

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Đức Mạnh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH SƠN HẢI**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Trần Đức Mạnh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Đức Mạnh

Mã sinh viên: 1412401015

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải , sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải

- Địa chỉ : Số 125 – Đà Nẵng – quận Ngô Quyền – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hải.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 6 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 8 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Trần Đức Mạnh

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	15
1.2.4. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính.	24
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.	28
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	32
1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH TOANH TẠI TNHH SƠN HẢI.	37
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Hải	37
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	37
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh	37

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Sơn Hải.....	38
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Hải	39
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Sơn Hải.....	55
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	62
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	74
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	82
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN HẢI.....	90
3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.	90
3.1.1. Ưu điểm.....	90
3.1.2. Hạn chế.....	92
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.	95
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	95
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	96
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.....	96
KẾT LUẬN.....	103
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	104

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp.	12
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo hình thức bán hàng qua đại lý.....	12
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp..	13
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	15
Sơ đồ 1.5: Hạch toán ghi giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.	18
Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	19
Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng.	21
Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	23
Sơ đồ 1.9: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	25
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.	27
Sơ đồ 1.11: Hạch toán thu nhập khác	29
Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí khác.	31
Sơ đồ 1.13: Hạch toán Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	34
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Sơn Hải.....	38
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sơn Hải	40
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	43
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty TNHH Sơn Hải	46

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT	47
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT	48
Biểu số 2.3: Giấy báo có.....	49
Biểu số 2.4: Nhật ký chung	50
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511	51
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	53
Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu.....	54
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho	57
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho	58
Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung	59
Biểu số 2.11: Sổ cái	60
Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT	64
Biểu số 2.13: Phiếu chi.....	65
Biểu số 2.14: Nhật ký chung	66
Biểu số 2.15: Sổ cái	67
Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT	70
Biểu số 2.17: Phiếu chi.....	71
Biểu số 2.18: Nhật ký chung	72
Biểu số 2.19: Sổ cái.....	73
Biểu số 2.20: Giấy báo có.....	76
Biểu số 2.21: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương.....	77
Biểu số 2.22: Nhật ký chung	78
Biểu số 2.23: Sổ cái.....	79
Biểu số 2.24: Sổ cái.....	81
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán	83
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán	83
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán	84
Biểu số 2.28. Phiếu kế toán	84
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán	84

Biểu số 2.30: Nhật ký chung	85
Biểu số 2.31: Sổ cái.....	86
Biểu số 2.32: Sổ cái.....	88
Biểu số 2.33: Báo cáo KQHĐKD.....	89
Biểu số 3.1: Báo cáo tính hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017.....	93

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang dần phát triển theo xu hướng hội nhập với nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Do vậy hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú, tính độc lập, tự chủ trong các doanh nghiệp ngày càng lớn hơn, mỗi doanh nghiệp phải năng động sáng tạo trong kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu đạt được lợi nhuận chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hóa sản phẩm. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty sẽ đóng vai trò quan trọng việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Sơn Hải, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của hoạt động kinh doanh còn gặp phải một số khó khăn. Vấn đề đặt ra với công ty lúc này là làm thế nào để theo dõi một cách chính xác nhất doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm giúp cho các nhà quản trị có những đánh giá khách quan về hoạt động kinh doanh của công ty. Để giải quyết được vấn đề này công ty cần xây dựng cho mình quy

trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đem đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán Nhà nước. Vì vậy việc tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị là điều cần thiết.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài “***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải***” làm đề tài khóa luận. Thông qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả. Kết cấu đề tài gồm 3 chương :

Chương 1: lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Hải.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Hải.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản trị có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy, việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt các nhà đầu tư.

Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Vì vậy mà việc tập hợp chi phí, doanh thu xác định các chỉ tiêu lãi lỗ để phản ánh đúng đắn tình hình kinh doanh của doanh nghiệp là rất cần thiết. Xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để Ban giám đốc doanh nghiệp có sự phân tích, nhận xét đánh giá đúng về tình hình kinh doanh từ đó khắc phục những tồn tại phát huy ưu điểm và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý và hiệu quả, là cơ sở để tìm kiếm các nguồn tạo ra doanh thu và cắt giảm chi phí không hiệu quả nhằm mục đích mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó thông qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra những báo cáo kế toán, cung cấp thông tin cho những nhà đầu tư giúp họ quyết định việc có nên hay không nên đầu tư vào doanh nghiệp, lựa chọn doanh nghiệp nào để đầu tư có lợi nhất.

Đối với Nhà nước thì việc xác định đúng chỉ tiêu lợi nhuận là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các khoản nộp nghĩa vụ cho Nhà nước như: Thuế, phí, lệ phí... Đây là nguồn thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước để thực hiện các khoản chi Ngân sách.

Tất cả những điều trên đã làm cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng. Nó ảnh hưởng

đến chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- + Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

- + Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- + Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

- + Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- + Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- + Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.14.1. Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba (Ví dụ: Nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.4.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.4.3. Chi phí và phân loại chi phí.

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Giá vốn hàng bán:* Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí bán hàng:* là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp là:* những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

+ *Chi phí hoạt động tài chính:* Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là :* khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$Lãi sau thuế = Thu nhập chịu thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp$

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

➤ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

+ Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

► Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

► Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 6 tài khoản cấp 2:

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5112-Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK5117-Doanh thu bất động sản đầu tư.
- TK5118-Doanh thu khác.

Kết cấu của TK511:**Bên nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.

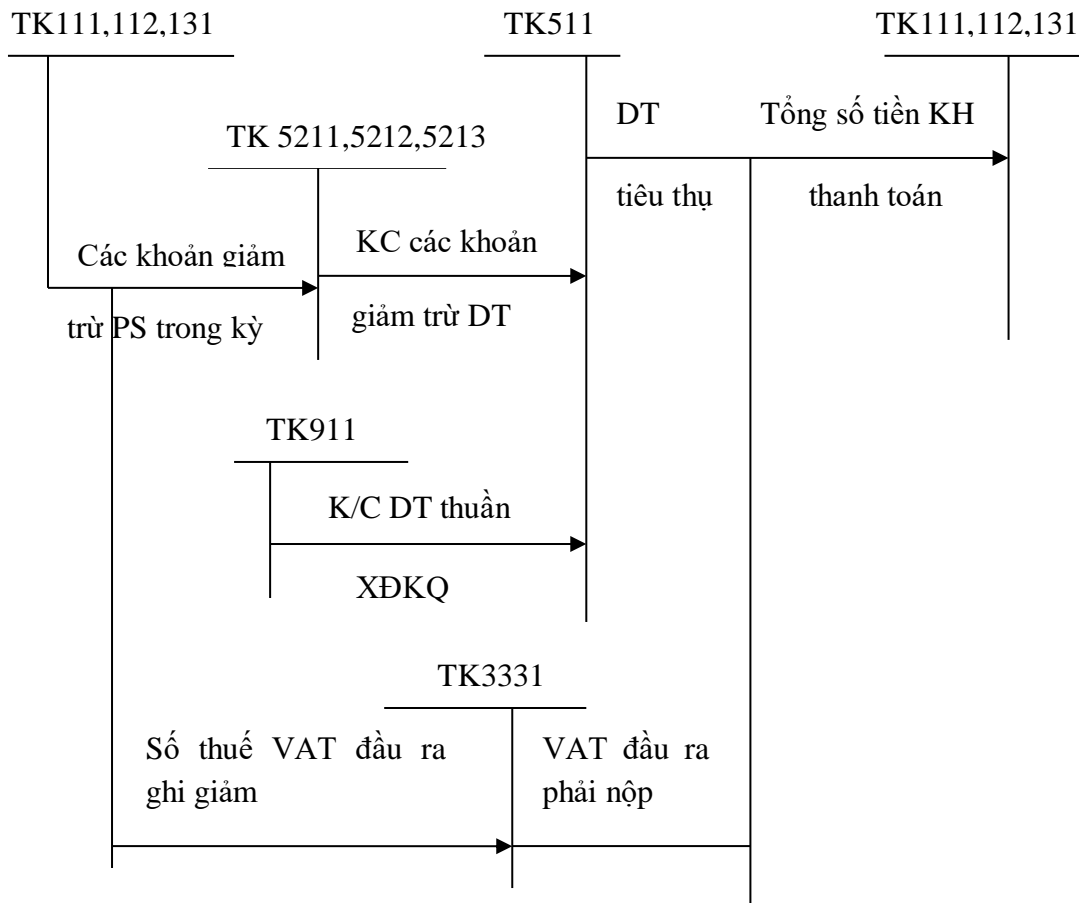
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

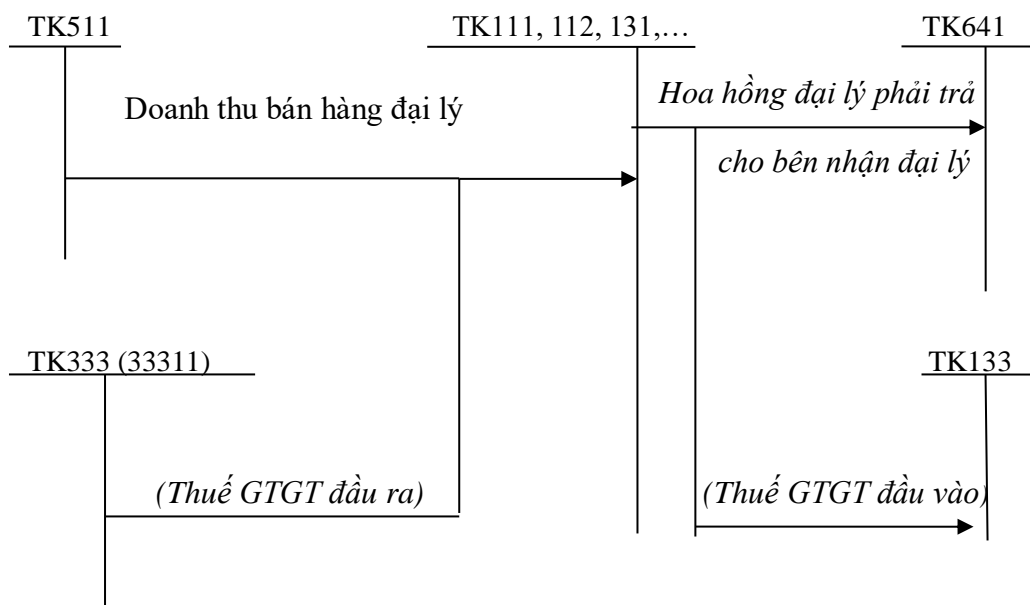
Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

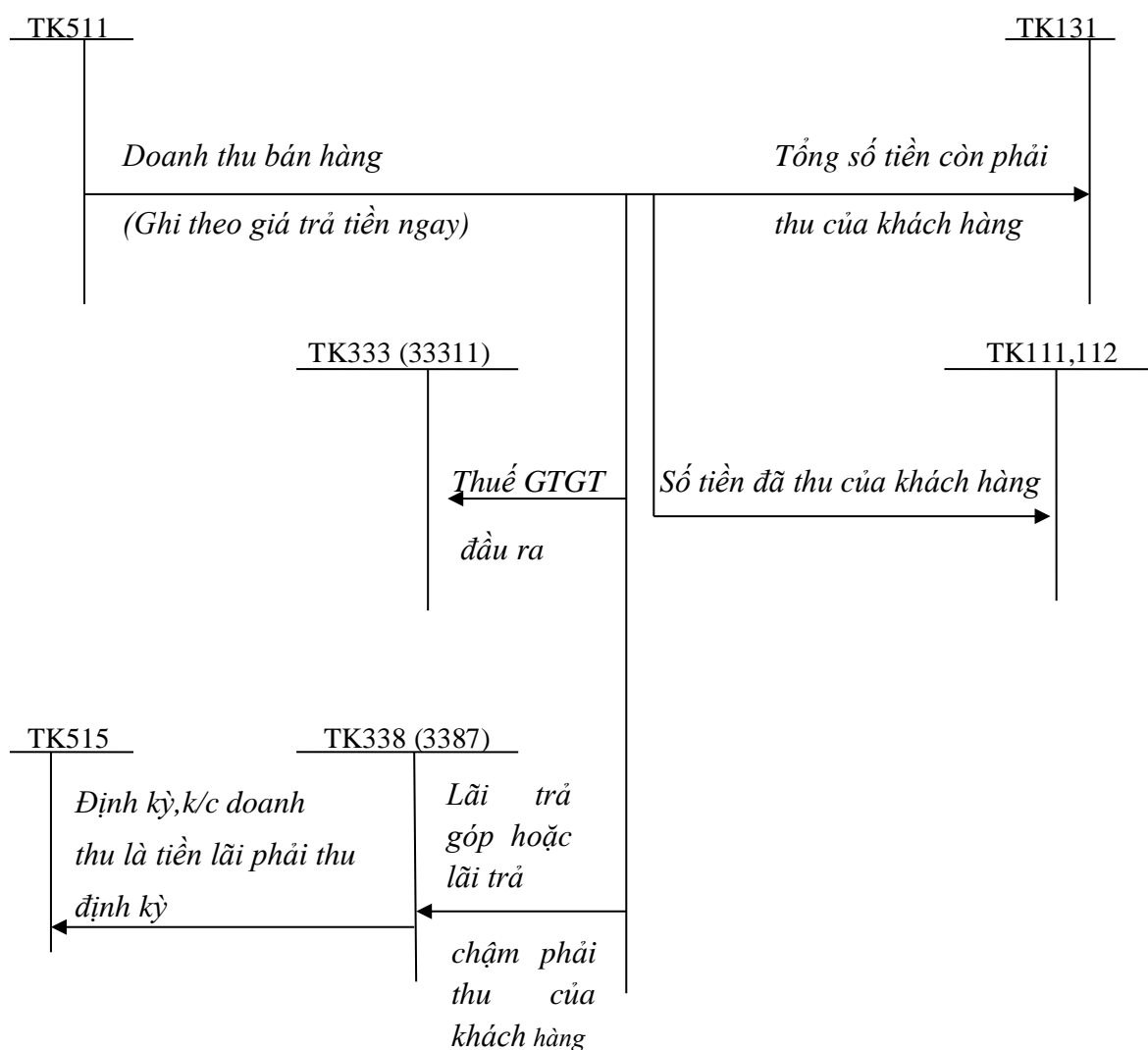


Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp.



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo hình thức bán hàng qua đại lý.

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- + *Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

+ *Hàng bán bị trả lại*: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

+ *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

+ *Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán,...
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

**** Tài khoản sử dụng:***

 TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua bán, bán hàng

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

**** Kết cấu tài khoản 521***

Bên nợ:

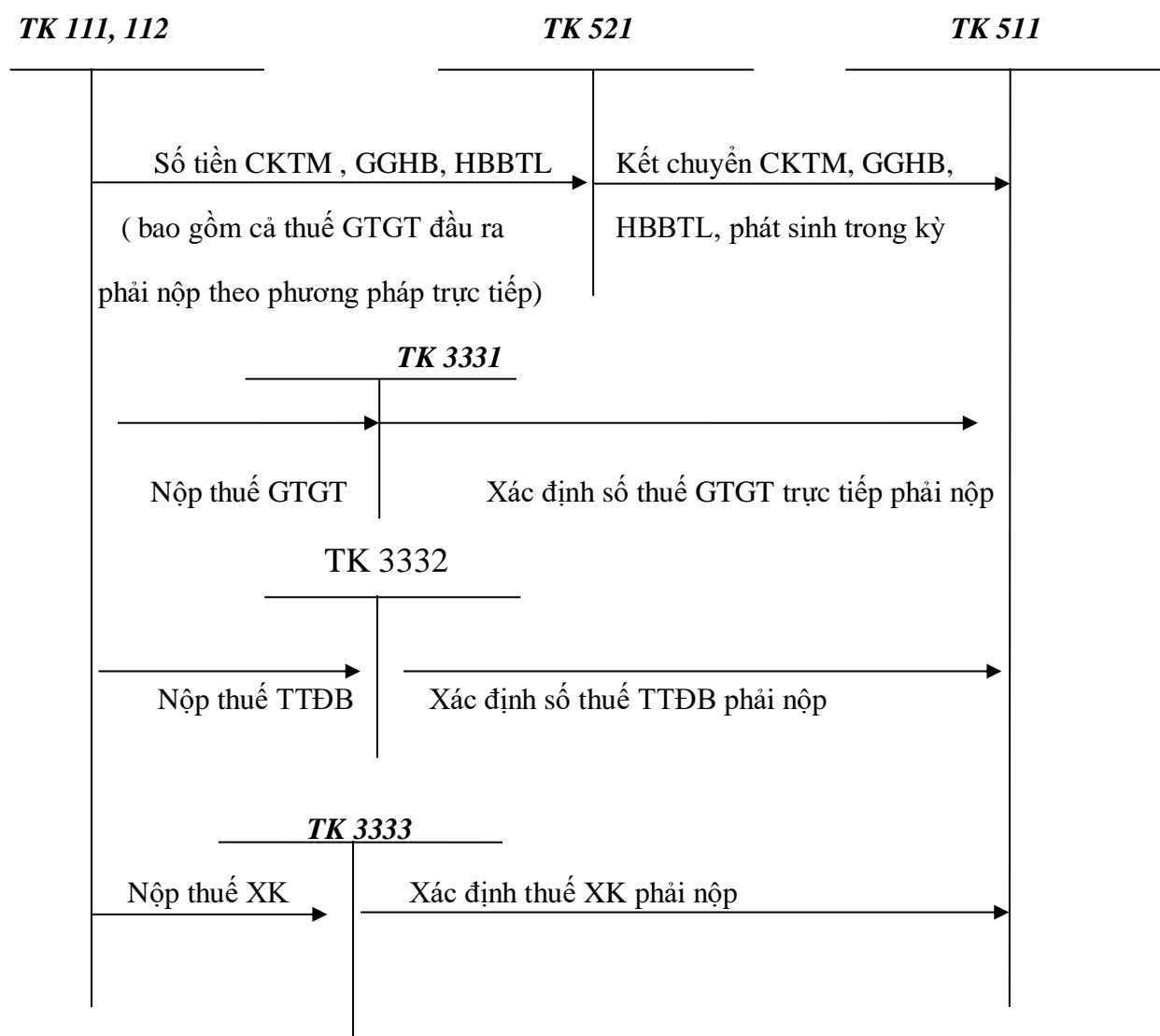
-Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

-Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) hoặc tài khoản 512 (Doanh thu bán hàng nội bộ) để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

*** Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.**

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Trong thực tế của giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá hàng xuất kho X Số lượng xuất kho

Cụ thể với từng phương pháp như sau:

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng HH tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng HH} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)

Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng được mua vào thì xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào, nhập kho.

- **Phương pháp giá bán lẻ**

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

****Chứng từ kế toán sử dụng:***

- Phiếu xuất kho, phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan...

****Tài khoản sử dụng:*****• TK 632- Giá vốn hàng bán.**

Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên nợ:

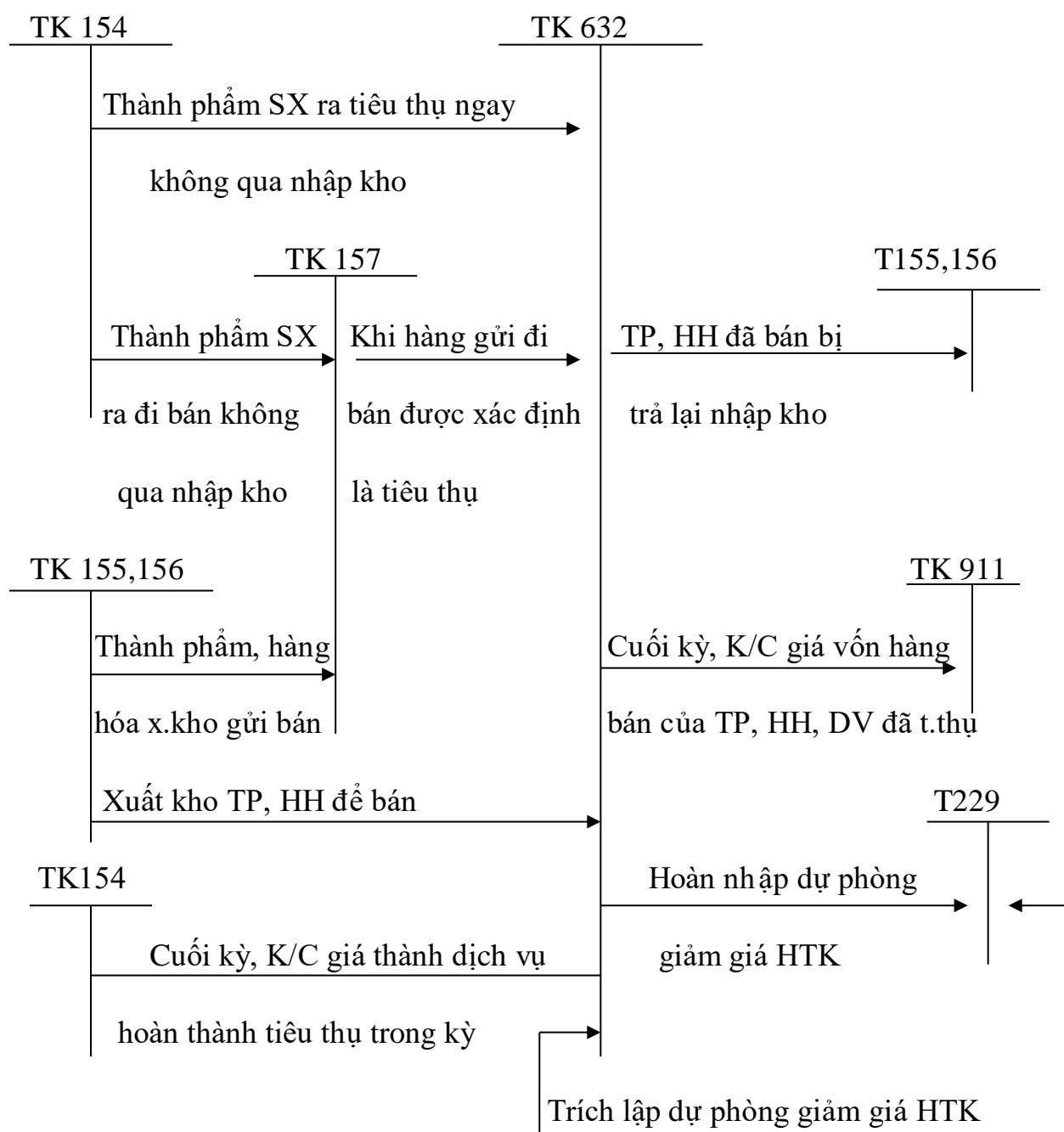
- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho .
- + Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Bên có:

- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang bên nợ TK 911.

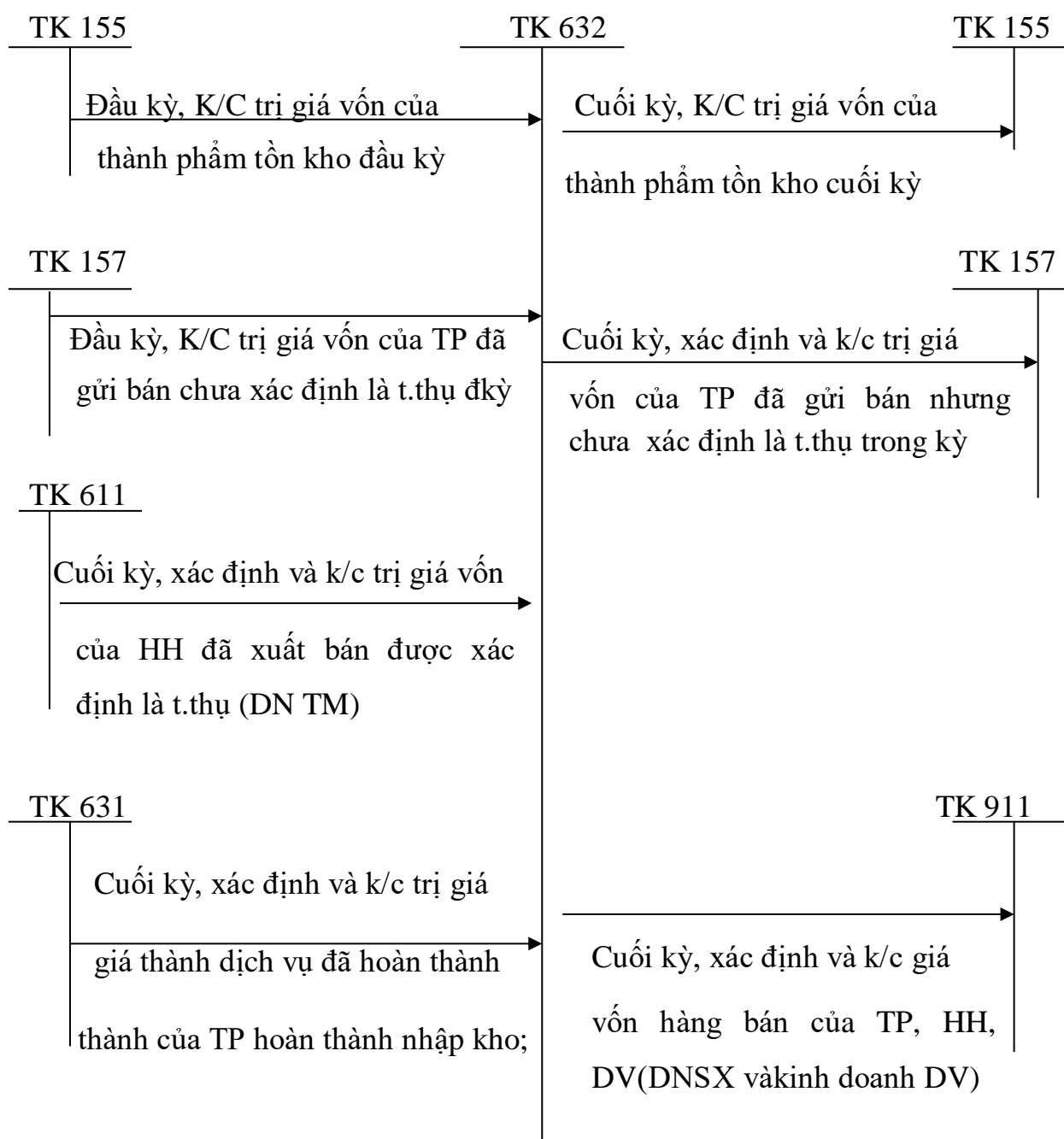
TK 632 không có số dư đầu kỳ

* Phương pháp hạch toán giá vốn: theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5: Hạch toán ghi giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Kế toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ*



Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển hàng hóa, chi phí nhân

viên bán hàng, chi phí khấu hao, TSCĐ phục vụ công tác bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài...

- **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu chi.
- Chứng từ kế toán liên quan.

- **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ chi tiết tài khoản 641.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 641.

- **Tài khoản kế toán sử dụng: TK641- chi phí bán hàng.**

*Các tài khoản cấp 2:

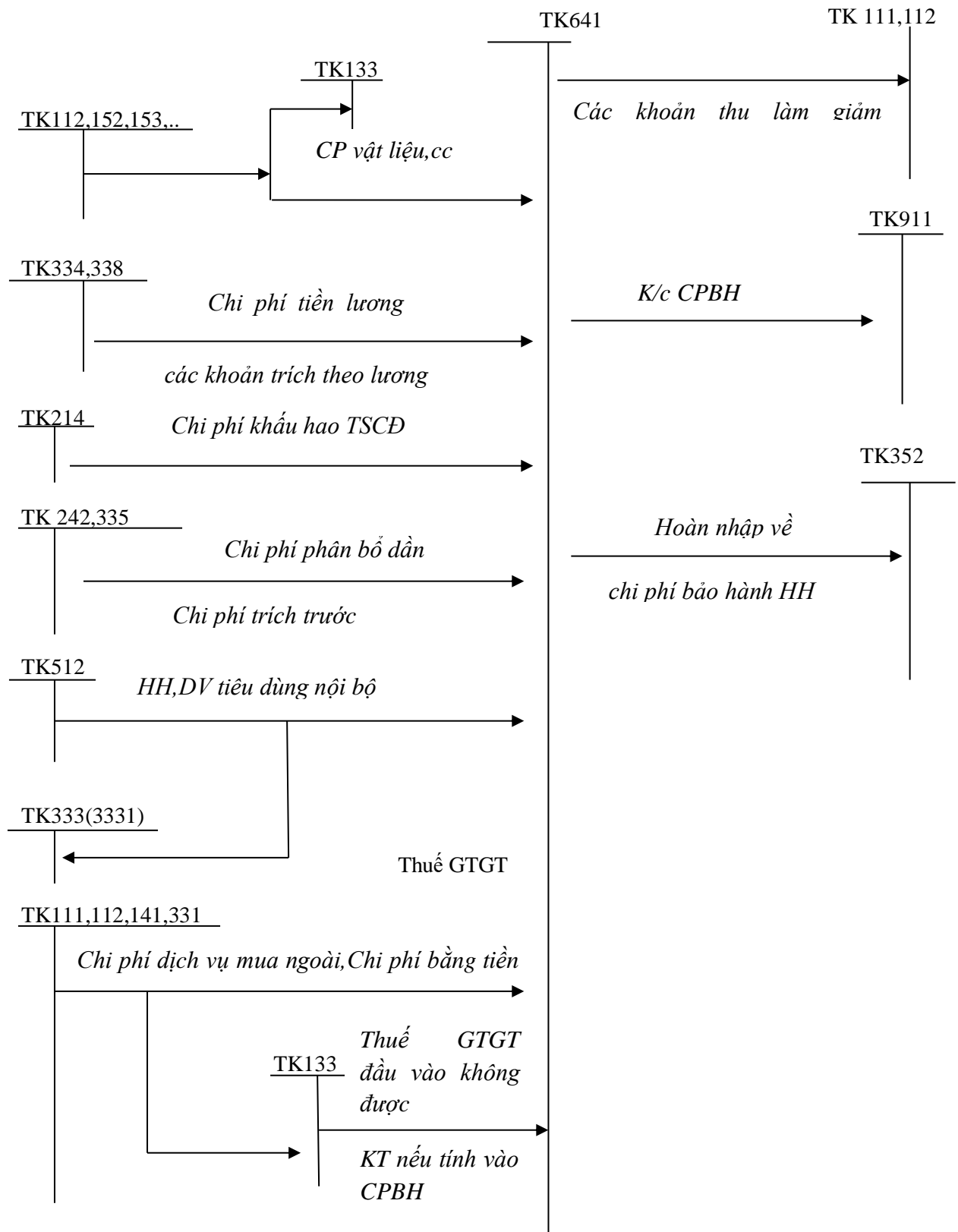
- +Tài khoản 6411-Chi phí nhân viên.
- +Tài khoản 6412-Chi phí vật liệu bao bì.
- +Tài khoản 6413-Chi phí dụng cụ đồ dùng.
- +Tài khoản 6414-Chi phí khấu hao TSCĐ.
- +Tài khoản 6415-Chi phí bảo hành.
- +Tài khoản 6417-Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- +Tài khoản 6418-Chi phí bằng tiền khác.

- **Kết cấu tài khoản 641:**

Bên nợ: Tập hợp các chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ. *Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.*

Bên có: Các khoản giảm chi phí bán hàng.

-Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 (Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ).



Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng.

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ vật liệu – công cụ dụng cụ, Phiếu xuất kho
- Bảng tính trích khấu hao TSCĐ
- Các hoá đơn dịch vụ, Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán BHXH, Bảng phân bổ tiền lương – BHXH

➤ **Tài khoản sử dụng: TK642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, Các tài khoản cấp 2:**

- +Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- +Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- +Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- +Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- +Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- +Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng.
- +Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- +Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Kết cấu tài khoản 642:**

Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý trong kỳ.

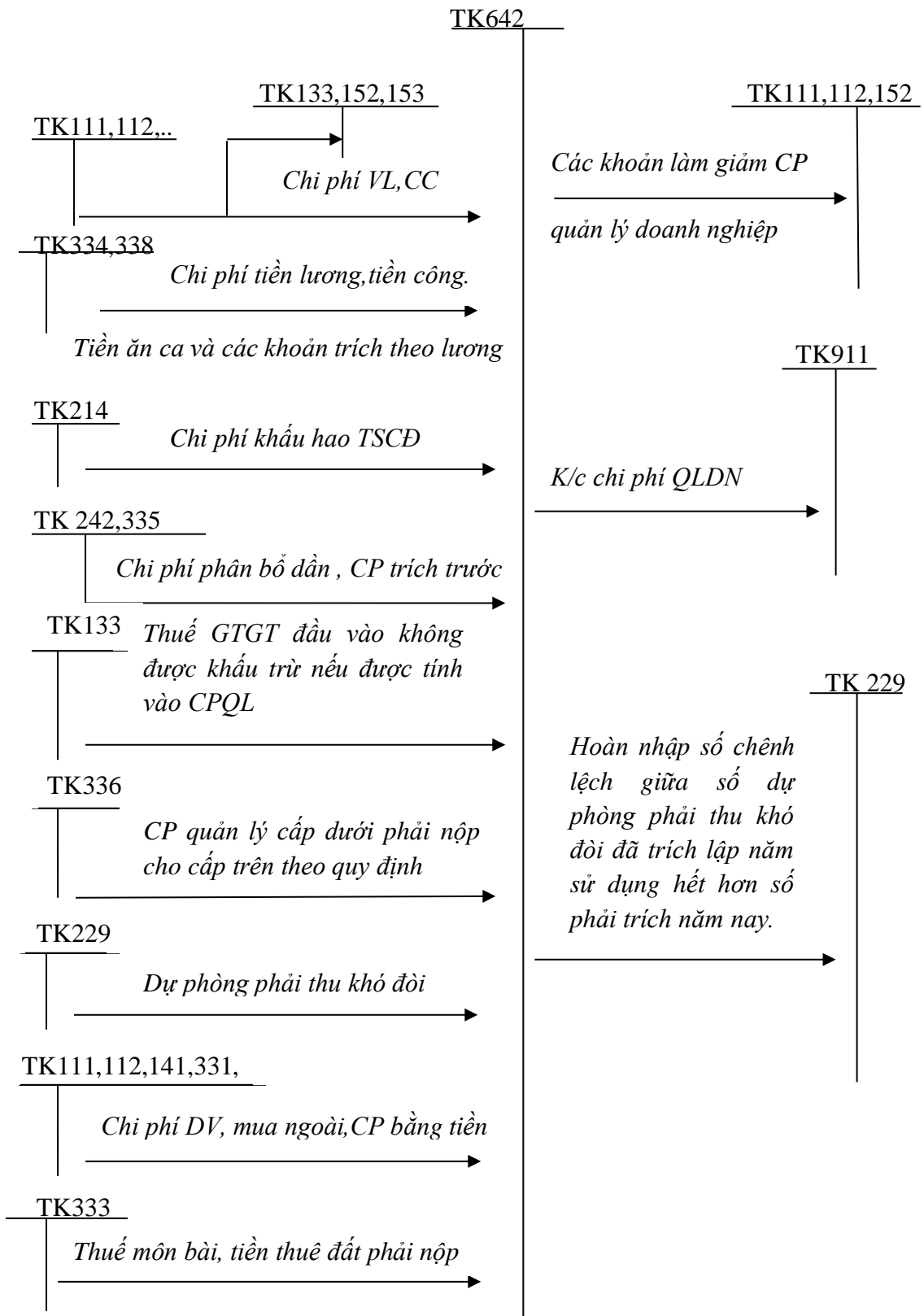
Bên có:

- Các khoản làm giảm chi phí quản lý trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911(Xác định kết quả kinh doanh).

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ chi tiết tài khoản 642.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 642.



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4. Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số khoản sau: Tiền lãi, lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp... Cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

* **Tài khoản sử dụng:** TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

Kết cấu TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911(Xác định kết quả kinh doanh).

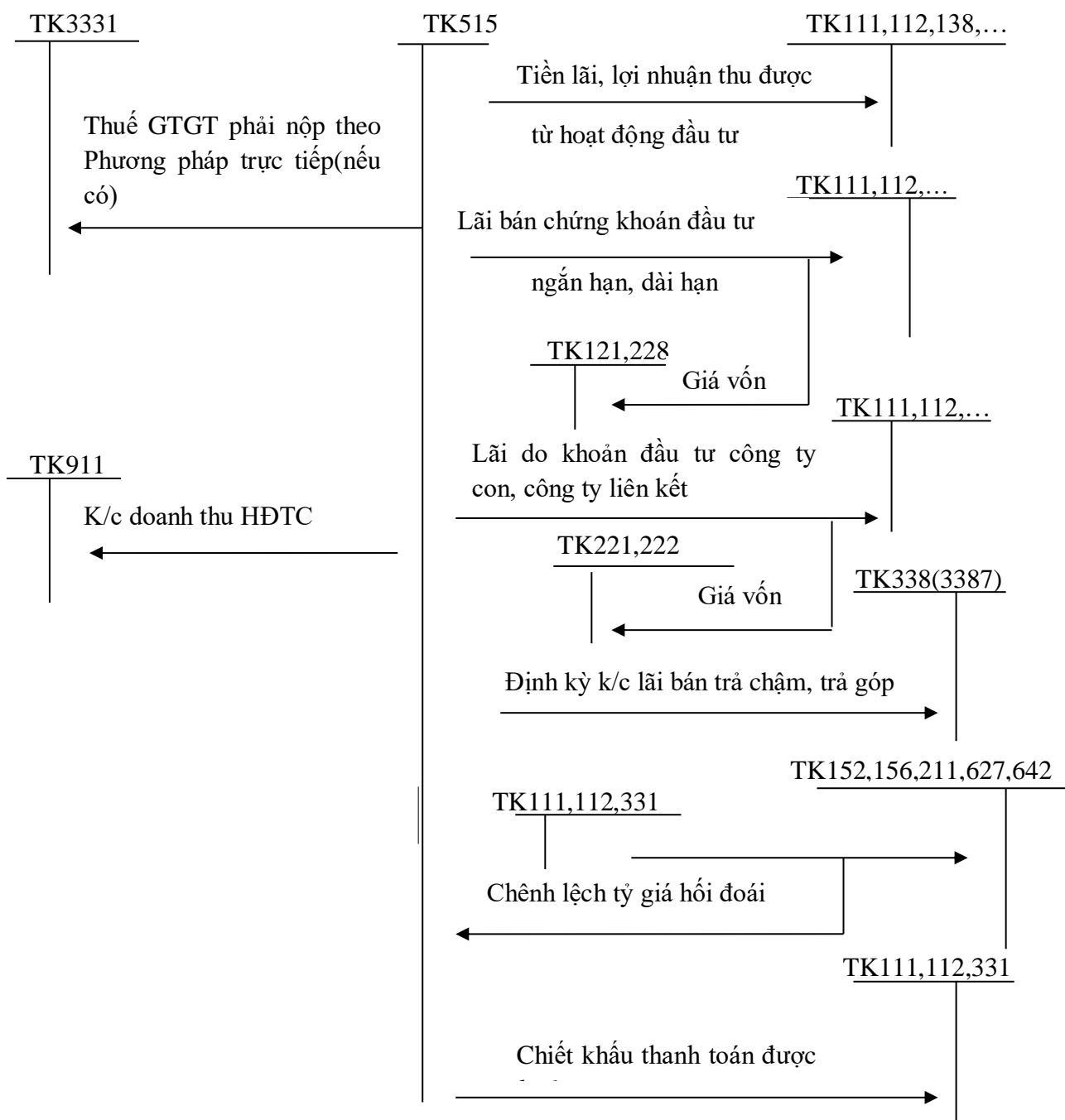
Bên có:

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

-Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

-Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK515 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.9: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái.

****Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu kế toán.
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

****Tài khoản sử dụng:***

- ***TK635: Chi phí tài chính.***

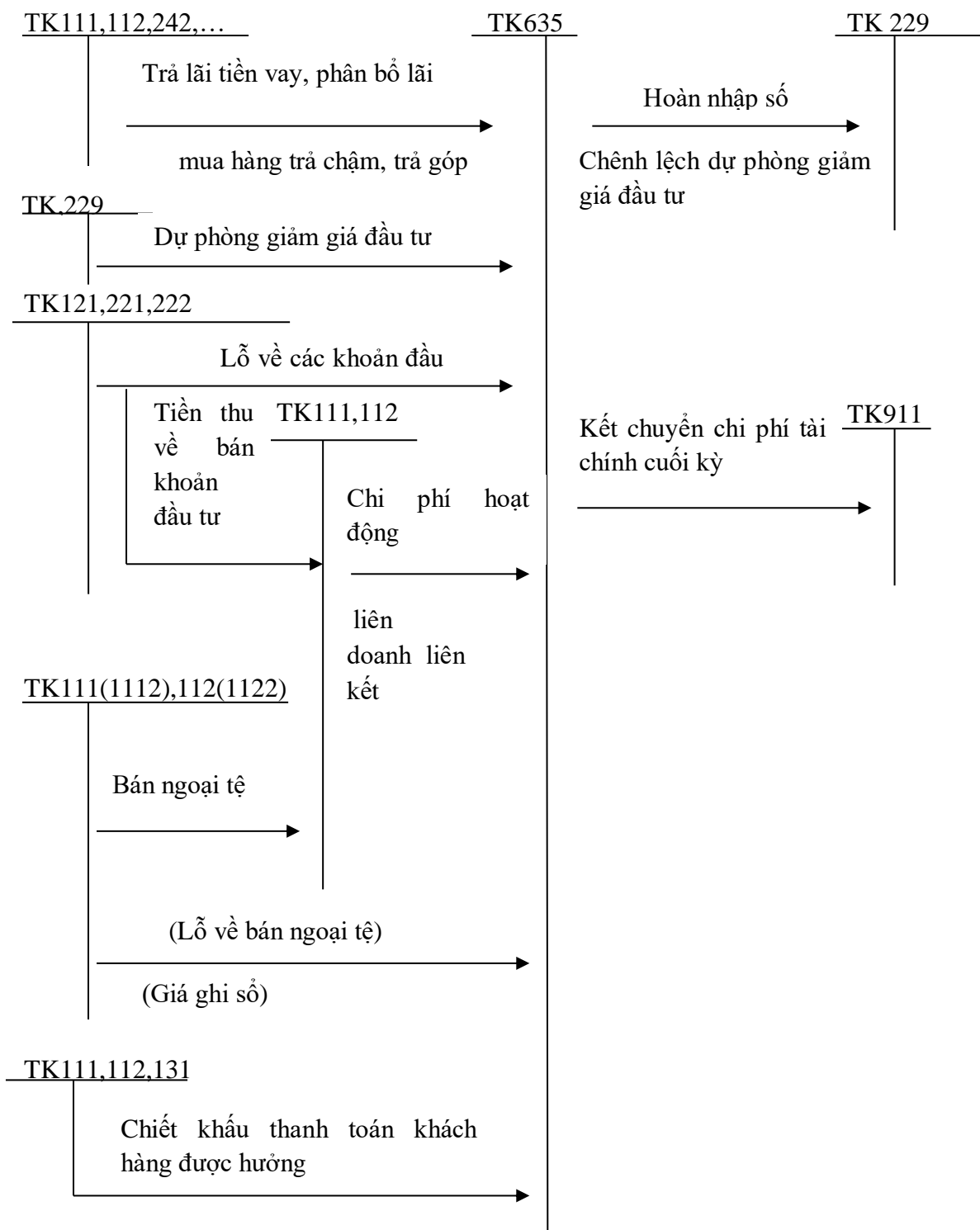
Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá-giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.**1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ...

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán,...
- Các chứng từ liên quan khác nhau như: biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế,...

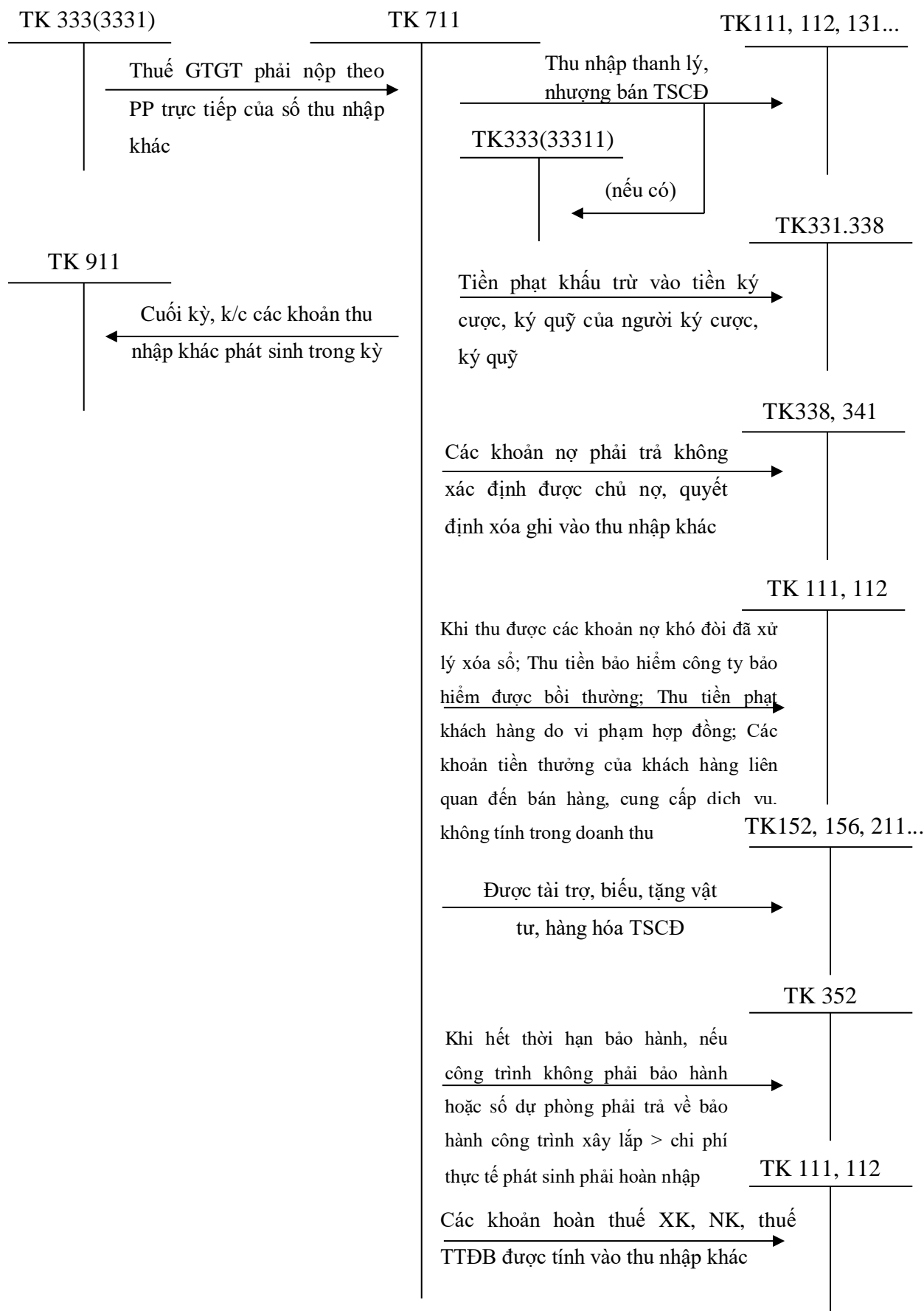
Tài khoản sử dụng: TK711-Thu nhập khác.*Kết cấu TK 711-Thu nhập khác.****Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang 911(Xác định kết quả kinh doanh).

Bên có:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911(Xác định kết quả kinh doanh).

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.11: Hạch toán thu nhập khác

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

-*Chi phí hoạt động khác*: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

-*Chi phí hoạt động khác bao gồm một số khoản sau*: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

****Chứng từ sử dụng*:**

-Hóa đơn GTGT.

-Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng.

-Các chứng từ liên quan khác.

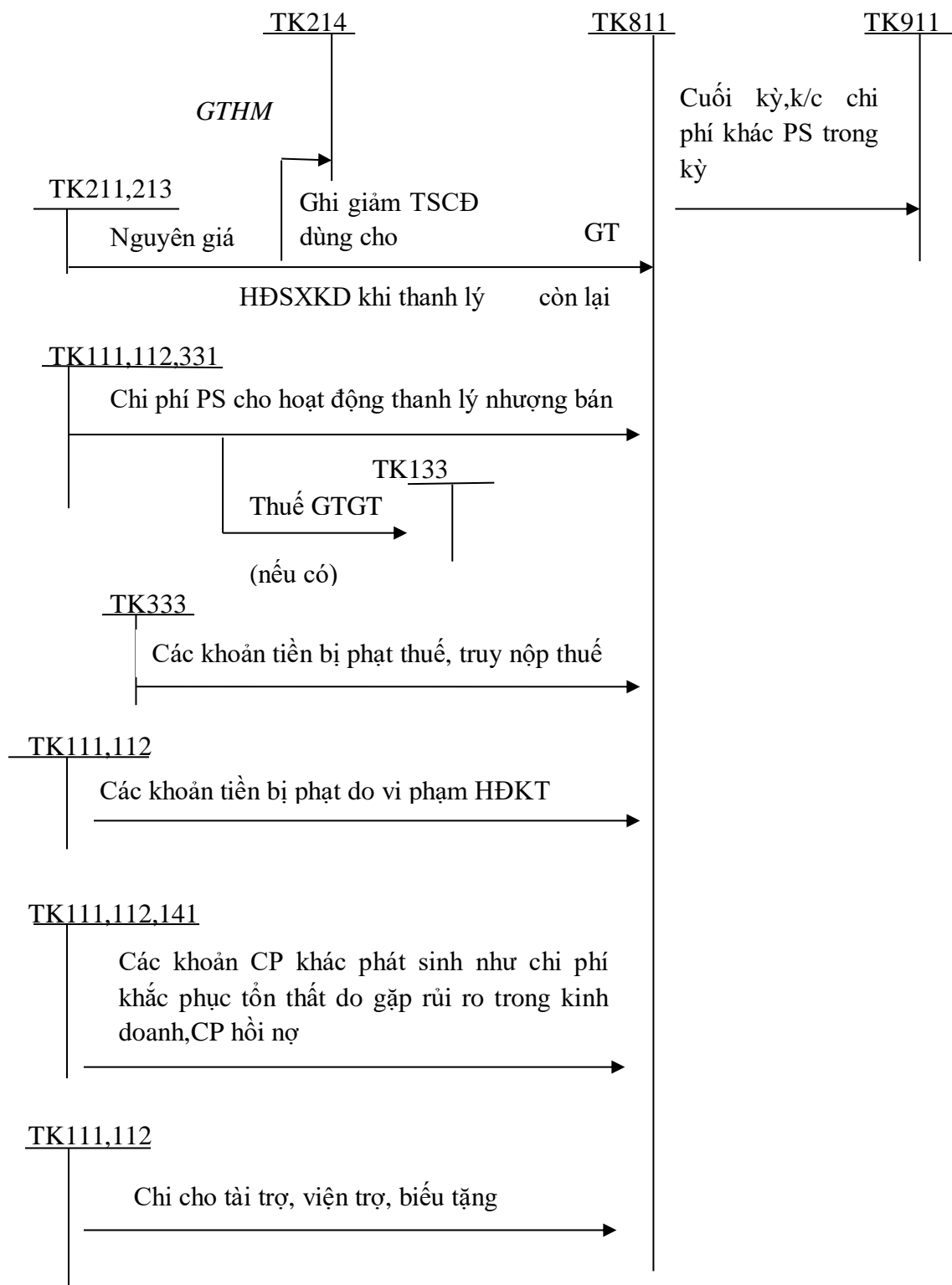
****Tài khoản sử dụng: 811- Chi phí khác.******Kết cấu TK811- Chi phí khác.*****Bên nợ:**

-Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên có:

-Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911(Xác định kết quả kinh doanh).

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí khác.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động bán} \\
 \text{hàng và} \\
 \text{cung cấp} \\
 \text{dịch vụ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{thuần về} \\
 \text{bán hàng} \\
 \text{và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Giá} \\
 \text{vốn} \\
 \text{hàng} \\
 \text{bán}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi} \\
 \text{phí} \\
 \text{bán} \\
 \text{hàng}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{quản lý} \\
 \text{doanh} \\
 \text{nghiệp}
 \end{array}$$

Trong đó :

$$\begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{thuần về bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{bán hàng và} \\
 \text{cung cấp} \\
 \text{dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Các khoản} \\
 \text{giảm trừ} \\
 \text{doanh thu}
 \end{array}$$

+Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả} \\
 \text{hoạt động} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{hoạt động} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}$$

+Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài} \\ \text{chính} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{khác} \end{array}$$

***Chứng từ sử dụng:**

-Phiếu kế toán và cá chứng từ khác liên quan.

***Tài khoản sử dụng: TK911-Xác định kết quả kinh doanh.**

Bên nợ:

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

-Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Kết chuyển lãi.

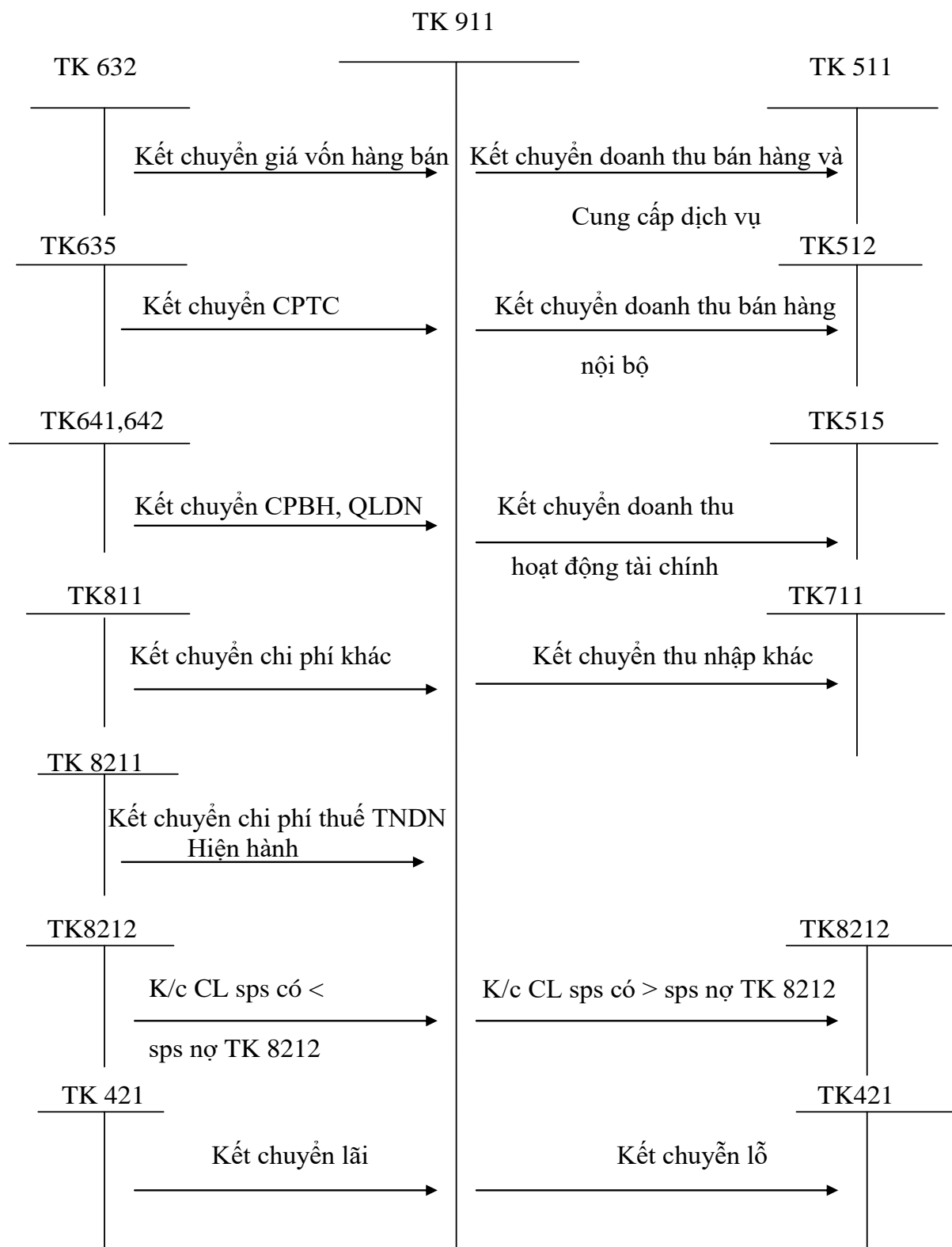
Bên có:

-Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

-Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu nội bộ, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

-Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.13: Hạch toán Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức sổ Nhật ký chung.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký – sổ cái.
- Hình thức Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Dưới đây bài viết đi vào minh họa chi tiết trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

*** Đặc trưng cơ bản hình thức nhật ký chung:**

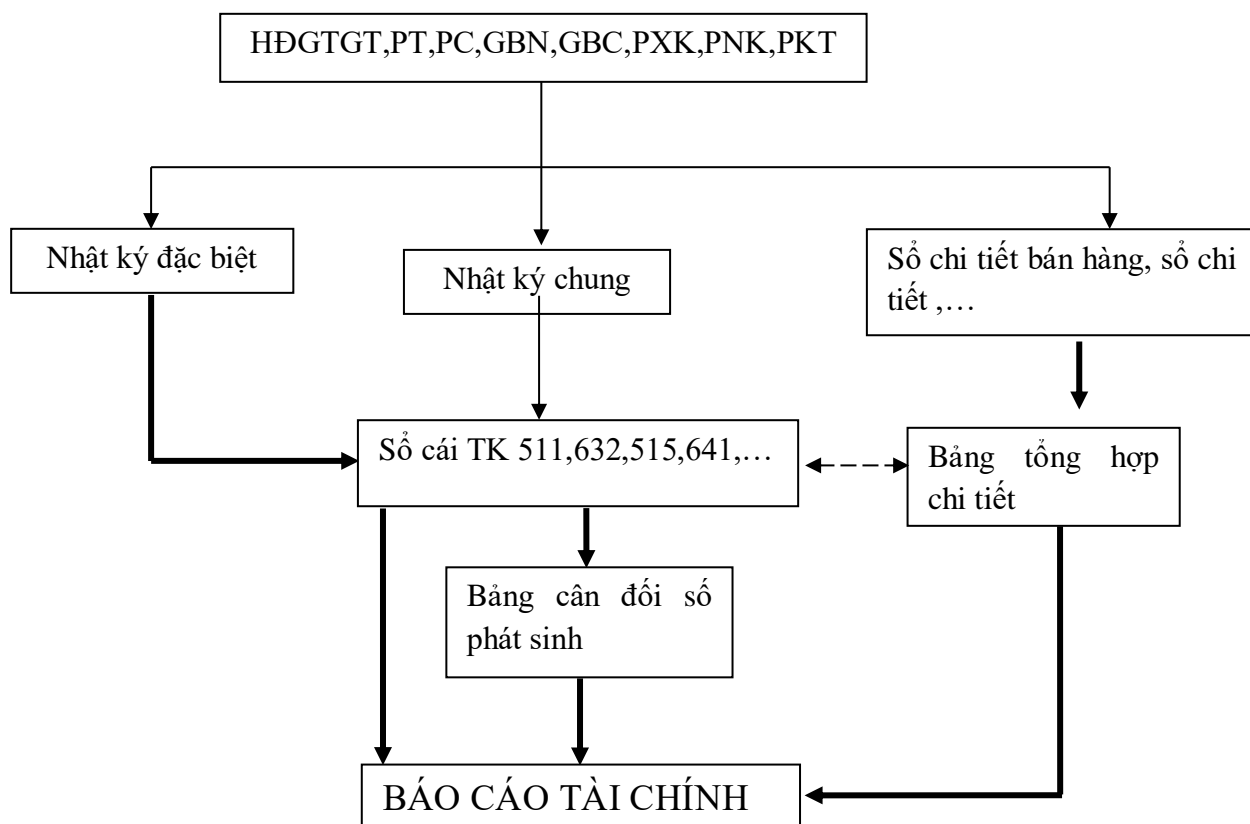
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cho từng nghiệp vụ phát sinh.

* Các loại sổ chủ yếu: - Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

- Sổ cái

- Các sổ các thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH TOANH TẠI TNHH SƠN HẢI.****2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Hải****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Sơn Hải được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2007 và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/2007. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0200278482 được cấp ngày 21/06/2010. Trong quá trình phát triển không ngừng của thị trường, công ty TNHH Sơn Hải hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo ập nên nền tảng vững chắc cho chính mình sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, giá cả hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng doanh nghiệp ngày càng chiếm được thị phần trong thị trường Hải Phòng. Những sản phẩm của công ty đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và ngày càng mở rộng thị trường sang các địa bàn lân cận như An Dương, An Lão, Tiên Lãng, v.v...

Hiện nay công ty đang hoạt động chủ yếu về lĩnh vực: kinh doanh các sản phẩm kim khí, vật liệu xây dựng.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

Tại Công ty TNHH Sơn Hải ngành nghề kinh doanh được đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh, bao gồm:

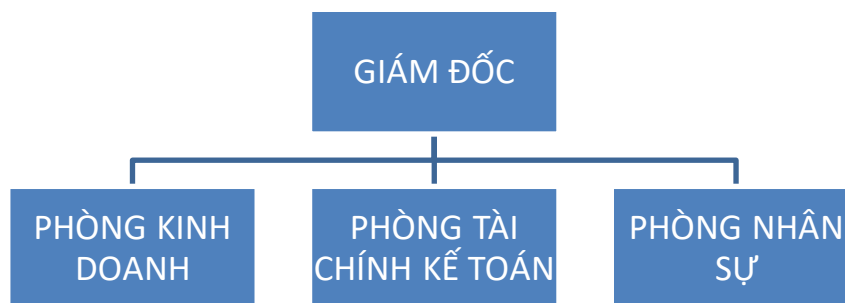
- Kinh doanh cơ khí như: các thiết bị máy móc chế tạo cơ khí, công cụ cầm tay...
- Kinh doanh vật liệu xây dựng như: Gõ xẻ nan, sắt hình(U,I,V)...
- Kinh doanh các loại gạch ốp, lát
- Dịch vụ sửa chữa bảo trì như: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị cơ khí cầm tay và máy móc lớn...

- Dịch vụ khác như: Chế tạo kết cấu thép, cung cấp thiết bị điện, hệ thống đường ống...

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Sơn Hải

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của công ty gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán, Nhân viên bán hàng và công nhân, cụ thể đã được thể hiện trong sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Sơn Hải

2.1.3.2 Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

- Ban Giám đốc: Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

- Phòng kế toán: Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật tư.

Quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của vật tư, theo dõi vật tư mua sắm.

Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...

Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

Phòng kinh doanh: Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng.

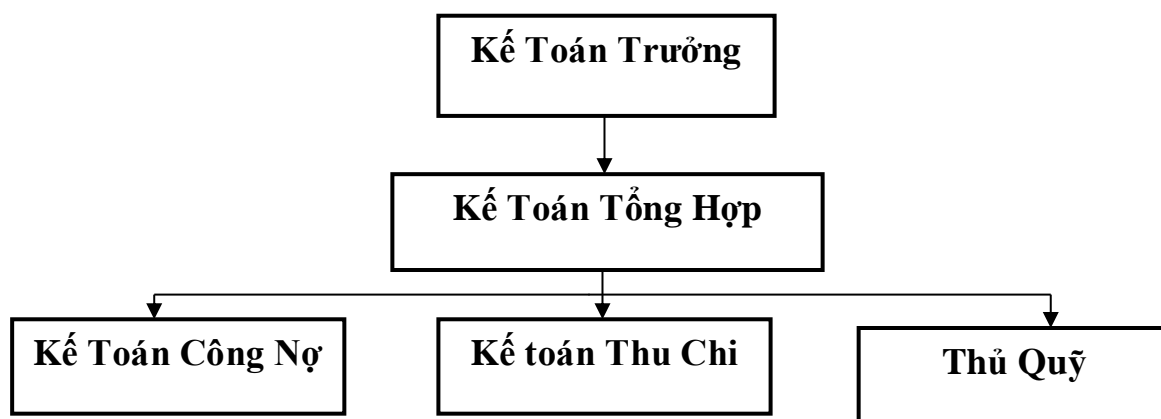
-Phòng nhân sự: Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của công ty trong việc đánh giá đúng năng lực cán bộ cả về số lượng và chất lượng từ đó có sự phân công lao động hợp lý và hiệu quả.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Hải

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau lên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau. Và để phù hợp với hoàn cảnh của mình công ty đã xây dựng cho mình một bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu cũng như đặc thù riêng của công ty mình. Bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sơn Hải

2.1.4.1.1 Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

Kế toán trưởng: - Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Kế toán tổng hợp: - Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp

kế toán hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

Kế toán công nợ và tiền lương: Nhiệm vụ của kế toán công nợ là theo dõi, phân tích, đánh giá và tham mưu đề cấp quản lý có những quyết định đúng đắn trong hoạt động của doanh nghiệp. Đó là:

- + Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán phát sinh theo từng đối tượng, từng khoản thanh toán có kết hợp với thời hạn thanh toán, đơn đốc việc thanh toán, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.
- + Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua, bán thường xuyên hoặc có dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán, kế toán cần tiến hành kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận số nợ bằng văn bản.
- + Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán
- + Tổng hợp và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý (nợ trong hạn, nợ quá hạn, các đối tượng có vấn đề...)
- + Tính lương và các khoản trích theo lương theo quy định

Kế toán thu chi :

- *Quản lý các khoản thu:* Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi.

- *Quản lý các khoản chi:* Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi...Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài...Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- Theo dõi việc quản lý quỹ tiền mặt: Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định. Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

Thủ quỹ: - Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc về thu, chi tiền trong kết quỹ theo chế độ hiện hành. - Kiểm tra các phiếu thu, chi khi các phiếu thu đã đầy đủ chữ ký duyệt kèm theo chứng từ gốc thủ quỹ mới được mở kết để cấp phát tiền. - Thường xuyên cập nhật sổ quỹ kịp thời, cuối ngày rút số dư báo tồn quỹ. Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ kế toán.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán

*** Chứng từ, tài khoản kế toán:**

- Hóa đơn: Hóa đơn GTGT đầu ra, đầu vào.
- Lao động, tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương.
- Công nợ, tiền tệ: Phiếu thu, phiếu chi, Lệnh chi, lệnh thanh toán, sao kê tài khoản chi tiết

- Các tài khoản doanh nghiệp sử dụng để hạch toán chi tiết và tổng hợp: 111, 112, 131, 133, 152, 154, 156, 242, 331, 333, 334, 335, 411, 421, 511, 515...

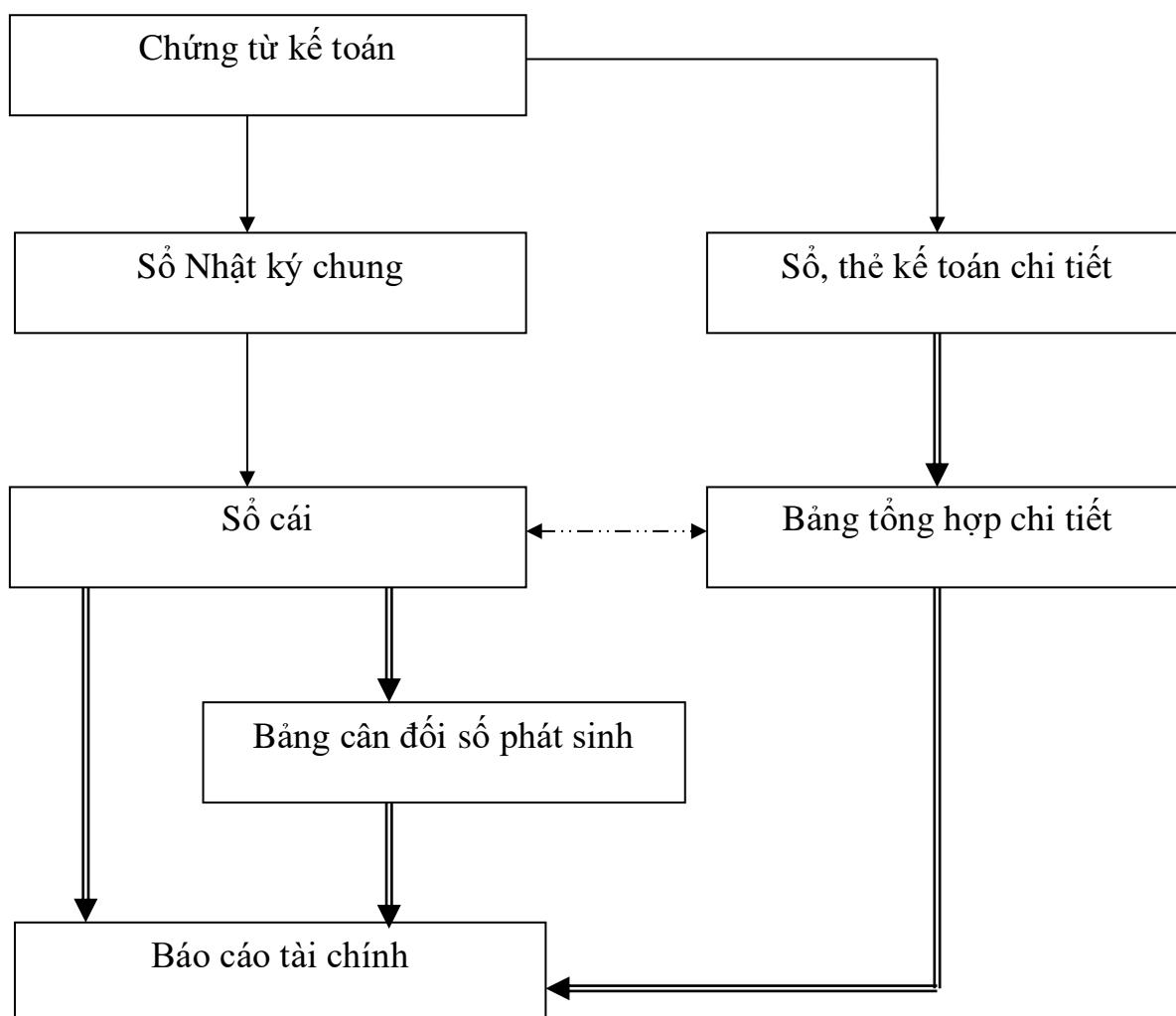
2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải

* Hình thức kế toán áp dụng:



- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, kế toán tập hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ gốc, căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ “ Nhật ký chung”, “Sổ, thẻ kế toán chi tiết”, “Bảng tổng hợp chi tiết”. Sau đó từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ. Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực thông tin đã nhập trong kì.

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái” và “Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”. “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên “Bảng cân đối số phát sinh” phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên sổ “Nhật ký chung” cùng kỳ.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

❖ ***Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:***

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01- DN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Hải

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH Sơn Hải

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa

- Kinh doanh cơ khí như: các thiết bị máy móc chế tạo cơ khí, công cụ cầm tay...
- Kinh doanh vật liệu xây dựng như: Gõ xẻ nan, sắt hình(U,I,V)...
- Gạch ốp các loại

- Dịch vụ sửa chữa bảo trì như: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị cơ khí cầm tay và máy móc lớn...
- Dịch vụ khác như: Chế tạo kết cấu thép, cung cấp thiết bị điện, hệ thống đường ống...

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty TNHH Sơn Hải

❖ Phương thức bán hàng tại công ty:

Công ty áp dụng duy nhất phương thức bán hàng trực tiếp: Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.

❖ Hình thức thanh toán được thực hiện:

- Hình thức thanh toán ngay: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty được thu tiền ngay(tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..)
- Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua các sổ chi tiết TK131, sổ tổng hợp chi tiết TK131, sổ cái TK131...

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Sơn Hải

❖ Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng

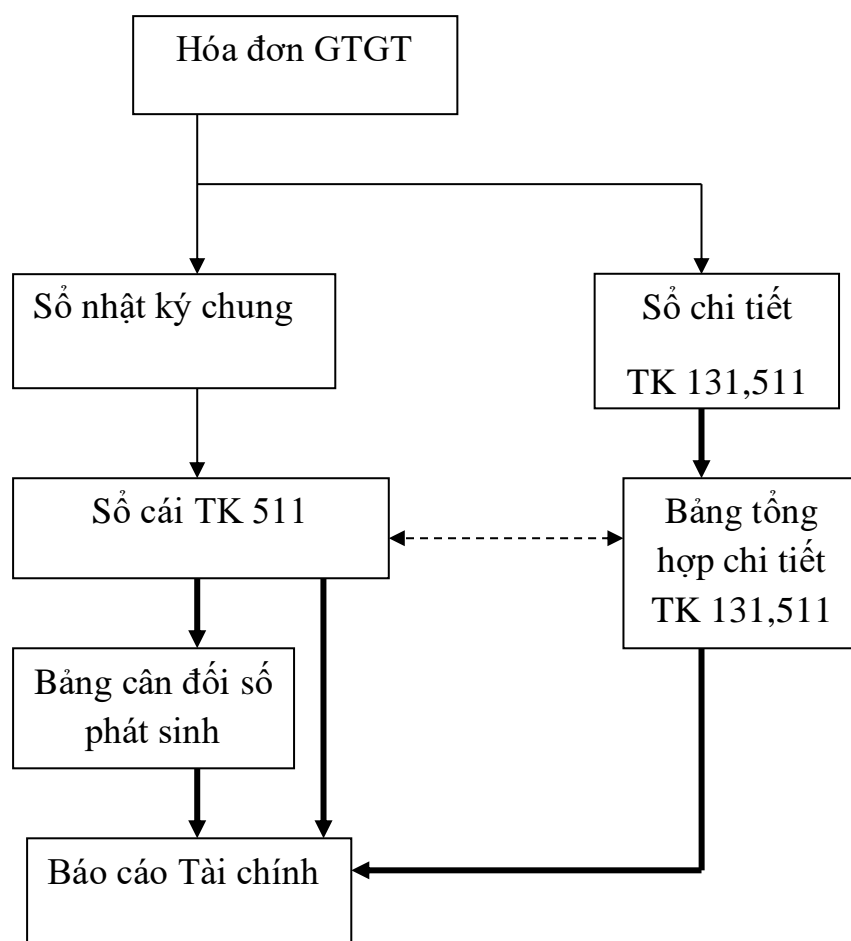
Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra.
- TK 131 : Phải thu của khách hàng...

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là: Hóa đơn GTGT, phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng, Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

- Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng, sổ chi tiết doanh thu.
- Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

✚ Trình tự hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối kỳ: —————>
- Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty TNHH Sơn Hải

Ví dụ 1: Ngày 09/06/2017, công ty TNHH Sơn Hải bán tôn mạ màu, thép góc cho Công ty TNHH Long Phát, tổng giá thanh toán: 528.950.975 đồng, chưa thu tiền.

Ví dụ 2: Ngày 20/06/2017, công ty TNHH Sơn Hải bán hàng cho Công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh, tổng giá thanh toán: 162.709.800 đồng, thu bằng chuyển khoản.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/17P

Ngày 09 tháng 06 năm 2017

Số: 0003321

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Mã số thuế: 0200278482

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Long Phát

Mã số thuế: 02 0076427 8

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải phòng

Hình thức thanh toán: CK/TM Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tôn mạ màu	kg	12.700	23.200	294.640.000
2	Thép góc	kg	9.135	20.350	185.897.250
<i>Cộng tiền hàng:.....</i>					480.537.250
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>		<i>Tiền thuế GTGT:.....</i>			48.053.725
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:.....</i>					528.950.975
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy năm</i>					

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/17P

Ngày 20 tháng 06 năm 2017

Số: 0003348

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Mã số thuế: 0200278482

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh

Mã số thuế: 02 0076154 8

Địa chỉ: 772 Nguyễn Văn Linh – An Đông – An Dương – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép hình I200	Kg	5.332	15.500	82.646.000
2	Thép hình I300	Kg	2.726	13.500	36.801.000
3	Thép hình H200	Kg	2.005	14.200	28.471.000
<i>Cộng tiền hàng:.....</i>					147.918.000
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>		<i>Tiền thuế GTGT:.....</i>			14.791.800
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:.....</i>					162.709.800
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu hai triệu, bảy trăm linh chín nghìn, tám trăm đồng.</i>					

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.3: Giấy báo có



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 4515

Mã KH: 234129

Số GD: 313

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 20/06/2017

Kính gửi : CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 162.709.800.

Số tiền bằng chữ: *Một trăm sáu hai triệu, bảy trăm linh chín nghìn, tám trăm đồng./*

Nội dung: # Công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh trả tiền #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.4: Nhật ký chung**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
9/6	PX314	9/6	Xuất kho hàng hóa	632 156	457.802.300	457.802.300
9/6	HĐ 3321	9/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	131 511 333	528.950.975	480.537.250 48.053.725
...
20/6	PX323	20/6	Xuất kho hàng hóa	632 156	140.647.578	140.647.578
20/6	HĐ 3348 BC313	20/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	112 511 333	162.709.800	147.918.000 14.791.800
...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	42.084.462.050 41.332.910	42.125.794.960
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500
31/12	PKT27	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	165.590.976	

						165.590.976
...
Tổng cộng					312.471.823.891	312.471.823.891

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2017

Số hiệu TK: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
9/6	HĐ 3321	9/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	131		480.537.250
			...			
20/6	HĐ 3348 BC313	20/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	112		147.918.000
			...			
31/12	PKT25	31/12	K/C doanh thu năm 2017	911	42.084.462.050	
			Cộng số phát sinh		42.084.462.050	42.084.462.050

			Số dư cuối kỳ			
				<i>Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>		
	Người lập biểu		Kế toán trưởng		Giám đốc	
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Tôn Mạ màu – TK 51121

Năm 2017

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
			...							
9/6	9/6	HĐ3321	Bán tôn mạ màu	131	17.200	23.200		294.640.000		
			...							
31/12	31/12	HĐ6541	Bán tôn mạ màu	131	20.200	23.100		466.620.000		
			...							
			Cộng số phát sinh				3.121.516.200	3.121.516.200		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Bảng tổng hợp chi tiết TK511**Năm 2017***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	Tôn mạ màu	51121	3.121.516.200	3.121.516.200	
2	Thép góc	51122	3.151.261.441	3.151.261.441	
3	Thép hình I200	51123	912.667.291	912.667.291	
4	Thép hình I300	51124	4.551.519.778	4.551.519.778	
5	Thép hình H200	51125	3.001.882.651	3.001.882.651	
	...				
	Cộng		42.084.462.050	42.084.462.050	

*Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017***Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Sơn Hải

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Giá vốn hàng bán của Công ty TNHH Sơn Hải được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi một loại hàng hóa, việc tính giá này được tính toán trên phần mềm Excel.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Ví dụ: Ngày 09/06/2017 xuất bán tôn mạ màu và các hàng hóa khác cho công ty TNHH Long Phát.

Dưới đây mô tả cách tính giá vốn cho tôn mạ màu:

Số lượng tôn mạ màu tồn kho tính đến ngày 09/06/2017 là 42.600 kg, trị giá tôn mạ màu tồn kho là 931.363.800 đồng.

Theo công thức tính trên có:

$$\text{Đơn giá tôn mạ màu xuất kho} = \frac{931.363.800}{42.600} = 21.863 \text{ (đ/kg)}$$

$$\text{Trị giá vốn của tôn mạ màu xuất kho} = 21.863 * 12.700 = 277.660.100 \text{ (đồng)}$$

- **Tài khoản sử dụng:**

Để hoạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán. Tài khoản được kế toán đơn vị theo dõi chi tiết trên các tài khoản:

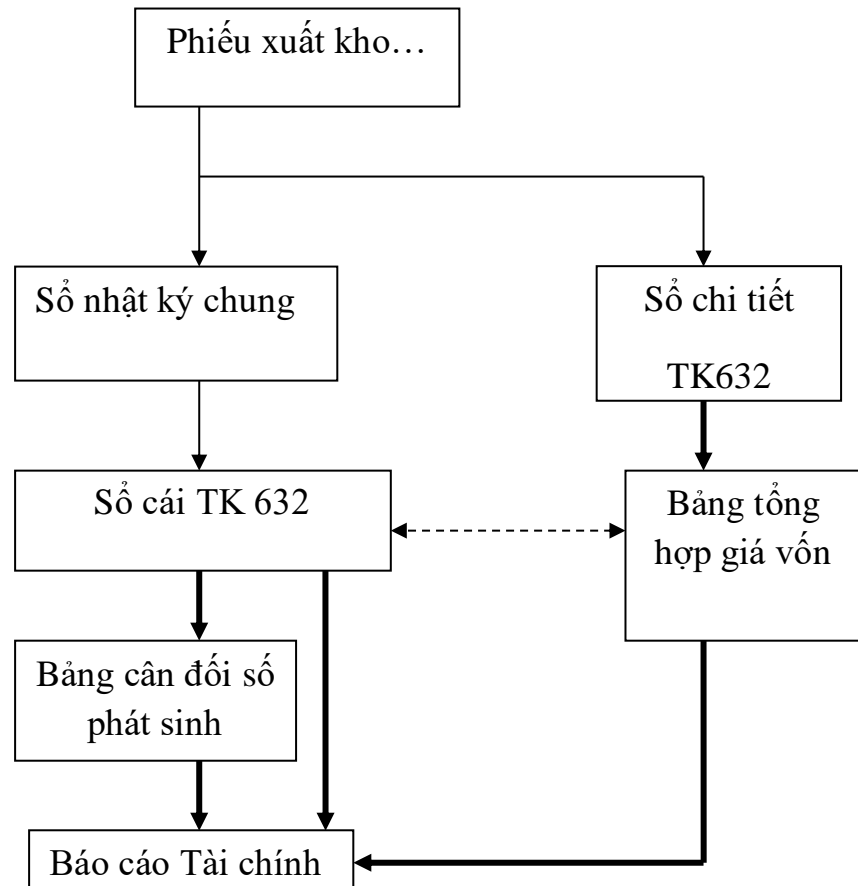
TK 632: Giá vốn hàng bán

- Và các tài khoản có liên quan khác

- ❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan

- ❖ **Sổ sách liên quan:** Sổ cái TK 632, TK156... và các sổ chi tiết

- ❖ **Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 09/06/2017, công ty TNHH Sơn Hải bán tôn mạ màu, thép góc cho Công ty TNHH Long Phát, tổng giá thanh toán: 528.950.975 đồng, chưa thu tiền.

Ví dụ 2: Ngày 20/06/2017, công ty TNHH Sơn Hải bán hàng cho Công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh, tổng giá thanh toán: 162.709.800 đồng, thu bằng chuyển khoản.

Giá vốn được tính theo mô tả như trên để ghi vào các phiếu xuất kho số 314 và 323

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI****Mẫu số: 02 – VT**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành kèm theo TT200/2014/QĐ- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Số: 314**PHIẾU XUẤT KHO** Nợ: 632 **457.802.300**Ngày 09 tháng 6 năm 2017 Có: 156 **457.802.300****Họ tên người nhận hàng:** Vũ Kim Cúc**Địa chỉ:** Công ty TNHH Long Phát**Lý do xuất:** Xuất bán hàng hóa**Xuất tại kho:** Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn mạ màu	TMM	Kg	12.700	12.700	21.863	277.660.100
2	Thép góc	THH	Kg	9.135	9.135	19.720	180.142.200
	Cộng tiền hàng						457.802.300

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** *Bốn trăm năm bảy triệu, tám trăm linh hai nghìn, ba trăm đồng.*
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 09 tháng 06 năm 2017

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI****Mẫu số: 02 – VT**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành kèm theo TT200/2014/QĐ- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**Số: 323****PHIẾU XUẤT KHO** Nợ: 632 **140.647.578**Ngày 09 tháng 6 năm 2017 Có: 156 **140.647.578****Họ tên người nhận hàng:** Vũ Kim Cúc**Địa chỉ:** Công ty TNHH TM CK Trọng Minh**Lý do xuất:** Xuất bán hàng hóa**Xuất tại kho:** Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hình I200	I200	Kg	5.332	5.332	14.604	77.868.528
2	Thép hình I300	I300	Kg	2.726	2.726	12.915	35.206.290
3	Thép hình H200	H200	Kg	2.005	2.005	13.752	27.572.760
	Cộng tiền hàng						140.647.578

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** *một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bốn bảy nghìn, năm trăm bảy tám đồng.*

- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 20 tháng 06 năm 2017

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải
Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
28/3	HD321 PC 25/3	28/3	Chi tiền in hóa đơn GTGT	642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000
			...			
9/6	PX314	9/6	Xuất kho hàng hóa	632 156	457.802.300	457.802.300
9/6	HĐ 3321	9/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	131 511 333	528.950.975	480.537.250 48.053.725
...
20/6	PX323	20/6	Xuất kho hàng hóa	632 156	140.647.578	140.647.578
20/6	HĐ 3348	20/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	131 511 333	162.709.800	147.918.000 14.791.800
...
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500

...
Tổng cộng					312.471.823.891	312.471.823.891

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2017

Số hiệu TK: 632- Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
9/6	PX314	9/6	Xuất kho hàng hóa	156	457.802.300	
			...			
20/6	PX323	20/6	Xuất kho hàng hóa	156	140.647.578	
			...			
31/12	PKT26	31/12	K/C giá vốn năm 2017	911		34.994.812.040
			Cộng số phát sinh		34.994.812.040	34.994.812.040
			Số dư cuối kỳ			

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

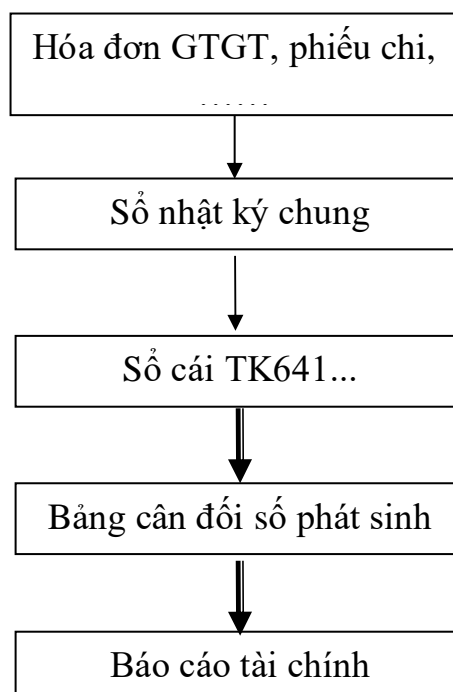
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:
 - Các chứng từ thanh toán : Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT
 - Bảng thanh toán lương
 - Bảng trích khấu hao TSCĐ
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 641,111,112.....
- Tài khoản sử dụng :
 - Kế toán dùng tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng"
 - Các tài khoản liên quan : Tk 111,112,...



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Sơ đồ: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng.

Ví dụ: Ngày 02/12/2017, Công ty TNHH Sơn Hải sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá của Công ty TNHH vận tải Minh Khang theo hoá đơn GTGT

số 0006634 Tổng số tiền phải thanh toán là 11.062.700đ (đã bao gồm VAT 10%), đã trả bằng tiền mặt.

Nợ TK 641 : 10.057.000

Nợ TK 133 : 1.005.700

Có TK 111 : 11.062.700

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK641.

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA /17P			
Liên 2: Giao khách hàng		0006634			
Ngày 02 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng:.....		CTY TNHH VẬN TẢI MINH KHANG			
Địa chỉ:		AN ĐỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG			
Số tài khoản:.....		MST: 0200534045			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải					
Mã số thuế: 0200278482					
Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..TM/CK :.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Vận chuyển thép tấm từ Hải Phòng ra Hưng Yên theo HĐKT số 541				10.057.000
		Cộng tiền hàng			10.057.000
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT		1.005.700
			Tổng cộng tiền thanh toán		11.062.700
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười một triệu không trăm sáu hai ngàn bảy trăm đồng.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.13: Phiếu chi**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT

Ban hành theo TT số 200/2014 QĐ-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI*Ngày 02 tháng 12 năm 2017*

Số: 4/12

Nợ TK 641,133

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Hồng Thủy

Địa chỉ: Phòng Tài Chính – Kế Toán

Lý do chi:

Số tiền: 11.062.700

Bằng chữ: Mười một triệu không trăm sáu hai nghìn bảy trăm đồng.

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ0006634

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Giám đốc (ký,họ tên)	Kế toán trưởng (ký,họ tên)	Người lập biểu (ký,họ tên)	Người nhận tiền (ký,họ tên)	Thủ quỹ (ký,họ tên)
-------------------------	-------------------------------	-------------------------------	--------------------------------	------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu không trăm sáu hai nghìn bảy trăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

Biểu số 2.14: Nhật ký chung**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
...	
28/3	HD321 PC 25/3	28/3	Chi tiền in hóa đơn GTGT	642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000	
			...				
02/12	HD6634 PC 4/12	02/12	Thuê vận chuyển hàng	641 133 111	10.057.000 1.005.700	11.062.700	
			...				
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	42.084.462.050 41.332.910	42.125.794.960	
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500	
31/12	PKT27	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	165.590.976	165.590.976	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	165.590.976	165.590.976	
...	
Tổng cộng						312.471.823.891	312.471.823.891

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Sổ cái**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI**Năm 2017****Số hiệu TK: 641****Tên tài khoản: Chi phí bán hàng***Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
20/08	HĐ5412 PC21/08	20/08	Trả tiền vận chuyển	111	2.124.771
			...			
14/11	HĐ551 PC15/11	14/11	Trả tiền chi phí tiếp khách	111	5.000.000	
			...			
02/12	HĐ6634 PC4/12	02/12	Chi phí vận chuyển hàng	111	10.057.000	
			...			
31/12	PBL12	31/12	Lương bộ phận bán hàng tháng 12	334	95.236.965	
31/12	PBL12	31/12	BH tính vào chi phí	338	8.765.168	
31/12	PKT26	31/12	K/C chi phí bán hàng năm 2017.	911		2.772.992.010
			Cộng số phát sinh		2.772.992.010	2.772.992.010
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

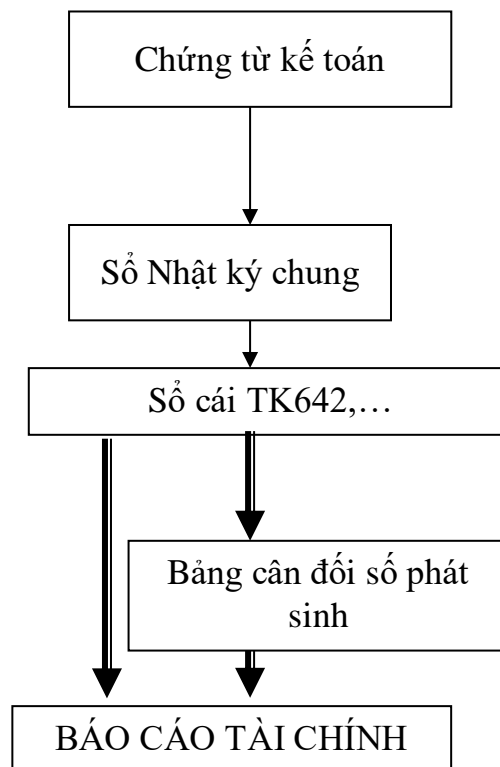
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLDN tại Công ty TNHH Sơn Hải

Ví dụ: Ngày 28/03/2017, Công ty TNHH Sơn Hải thanh toán tiền in hóa đơn GTGT. Tổng số tiền phải thanh toán là 3.300.000đ (đã bao gồm VAT 10%), đã trả bằng tiền mặt.

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01GTKT3/001																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/17T																
Liên 2: Giao cho khách hàng			0000321																
Ngày 28 tháng 03 năm 2017																			
Đơn vị bán hàng: Cty in công nghiệp và quảng cáo Phi Long																			
Địa chỉ: 244 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>1</td><td>4</td><td>8</td><td>5</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	1	4	8	5				
0	2	0	0	4	2	1	4	8	5										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải																			
Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TM.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>7</td><td>8</td><td>4</td><td>8</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	2	7	8	4	8	2				
0	2	0	0	2	7	8	4	8	2										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	In hóa đơn GTGT.	Quyền	10	300.000	3.000.000														
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ					3.000.000														
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					3.00.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Biểu số 2.17: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải
Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải
Phòng

Mẫu số 02 – TT
Ban hành theo TT số 200/2014 QĐ-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: PC 25/03

Nợ TK 642,133

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Hồng Thủy

Địa chỉ: Phòng Tài Chính – Kế Toán

Lý do chi: Trả tiền đặt in hóa đơn GTGT.

Số tiền: 3.300.000

Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ0000321.

Ngày 28 tháng 03 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nhận	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	tiền	(ký,họ tên)
			(ký,họ tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

Biểu số 2.18: Nhật ký chung**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
...	
28/3	HD321 PC 25/3	28/3	Chi tiền in hóa đơn GTGT	642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000	
			...				
02/12	HD6634 PC 4/12	02/12	Thuê vận chuyển hàng	641 133 111	10.057.000 1.005.700	11.062.700	
			...				
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	42.084.462.050 41.332.910	42.125.794.960	
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500	
31/12	PKT27	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	165.590.976	165.590.976	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	165.590.976	165.590.976	
...	
Tổng cộng						312.471.823.891	312.471.823.891

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ cái**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI**Năm 2017****Số hiệu TK: 642****Tên tài khoản: Chi phí Quản lý doanh nghiệp***Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
28/03	HĐ321 PC25/03	28/03	Chi tiền in hóa đơn GTGT	111	3.000.000	
			...			
20/06	HĐ5232 PC15/06	20/06	Trả tiền mua VPP	111	3.100.000
			...			
18/12	HĐ4151 PC17/12	18/12	Trả tiền chi phí tiếp khách	111	6.500.000	
			...			
31/12	PBL12	31/12	Lương bộ phận QLDN tháng 12	334	112.883.250	
31/12	PBL12	31/12	BH tính vào chi phí	338	10.332.020	
31/12	PKT26	31/12	K/C chi phí QLDN năm 2017.	911		3.283.760.530
			Cộng số phát sinh		3.283.760.530	3.283.760.530
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

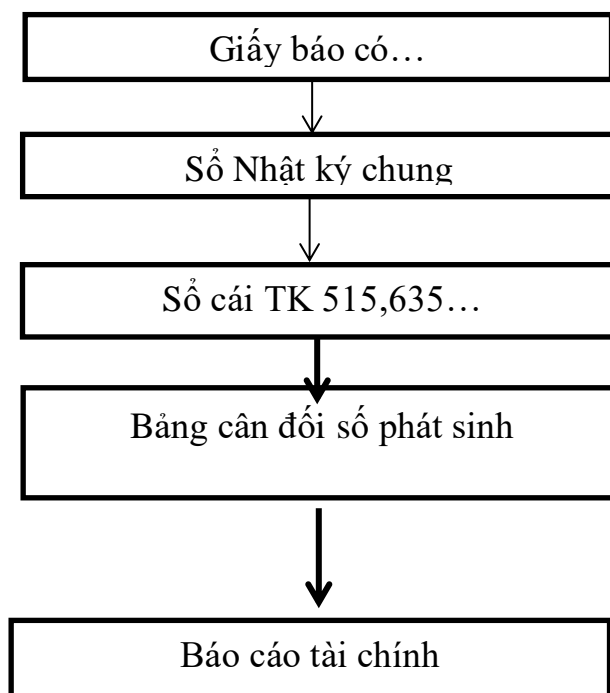
❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Giấy báo có.
- + Phiếu kế toán.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- + Các tài khoản có liên quan khác.

❖ **Trình tự hạch toán**



Sơ đồ: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515,635.... Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái TK 535,635 và các tài khoản có liên quan để

lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp cân đối số phát sinh, kế toán dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 25/12/2017 ngân hàng Vietinbank gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 150.869 VND. Căn cứ vào giấy báo có số 568 ngày 25/12/2017 ngân hàng Vietinbank về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 112 : 150.869

Có TK 515 : 150.869

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515. Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái TK515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ 2:

Ngày 25/12/2017 ngân hàng Vietinbank gửi giấy báo nợ thông báo về việc trả lãi tiền vay với số tiền: 15.200.529 VND. Căn cứ vào giấy báo nợ số 552 ngày 25/12/2017 ngân hàng Vietinbank về việc nhận trả lãi tiền vay và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 635 : 15.200.529

Có TK 112 : 15.200.529

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635. Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái TK635 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.20: Giấy báo có



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 568

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 150.869

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng chẵn./

Nội dung: # LÃI NHẬP GỐC #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.21: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

Mã GDV: 3515

Mã KH: 23429

Số GD: 552

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2017

Kính gửi : CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 15.200.529

Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm nghìn năm trăm hai mươi chín đồng Chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.22: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
28/3	HD321 PC 25/3	28/3	Chi tiền in hóa đơn GTGT	642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000
			...			
31/12	BC 568	31/12	Lĩnh nhập gốc	112 515	150.869	150.869
31/12	BN552	31/12	Lãi vay trả cho ngân hàng	635 112	15.200.529	15.200.529
...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	42.084.462.050 41.332.910	42.125.794.960
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500
31/12	PKT27	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	165.590.976	165.590.976
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	662.363.904	662.363.904

...
Tổng cộng					312.471.823.891	312.471.823.891

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
31/10	BC458	31/10	Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi.	112		685.885
			...			
30/11	BC511	30/11	Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi.	112		253.997
			...			
31/12	BC568	31/12	Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi.	112		150.869
			...			
31/12	PKT25	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính năm 2017.	911	41.332.910	
			Cộng số phát sinh		41.332.910	41.332.910
			Số dư cuối kỳ		-	-

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 635****Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính****Năm 2017***Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			...			
31/10	BN451	31/10	Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietinbank	112	51.145.619	
30/11	BN501	30/11	Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietinbank	112	18.502.800	
			...			
31/12	BN552	25/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietinbank	112	15.200.529	
			...			
31/12	PKT26	31/12	K/c Chi phí tài chính năm 2017.	911		246.275.500
			Cộng số phát sinh		246.275.500	246.275.500
			Số dư cuối kỳ			

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:** Phiếu kế toán.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.
- Và các tài khoản có liên quan.

❖ **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$KQKD = DTT - CP + KQTC$$

Trong đó:

$$+ \text{Chi phí} = \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí quản lý DN}$$

$$+ KQTC = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}$$

Ví dụ: Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Năm 2017. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan. Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 như sau:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:	42.084.462.050
- Doanh thu hoạt động tài chính:	41.332.910
- Giá vốn bán hàng:	34.994.812.040
- Chi phí tài chính:	246.275.500
- Chi phí bán hàng:	2.772.992.010
- Chi phí quản lý doanh nghiệp :	3.283.760.530
Thu nhập chịu thuế =	827.954.880
Thuế TNDN phải nộp = 827.954.880*20% =	165.590.976
Lợi nhuận sau thuế =	662.363.904

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số 25

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	42.084.462.050
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	41.332.910
	Tổng			42.125.794.960

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.26: Phiếu kế toán****Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số 26

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán	911	632	34.994.812.040
3	Chi phí tài chính	911	635	246.275.500
4	Chi phí bán hàng	911	641	2.772.992.010
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	3.283.760.530
	Tổng			41.297.840.080

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**Biểu số 2.27: Phiếu kế toán**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 27

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	821	3334	165.590.976
	Cộng			165.590.976

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải****Biểu số 2.28. Phiếu kế toán**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 28

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	165.590.976
	Cộng			165.590.976

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải****Biểu số 2.29. Phiếu kế toán**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 29

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	662.363.904
	Cộng			662.363.904

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Nhật ký chung**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
28/3	HD321 PC 25/3	28/3	Chi tiền in hóa đơn GTGT	642 133 111	3.000.000 300.000	3.300.000
			...			
9/6	PX314	9/6	Xuất kho hàng hóa	632 156	457.802.300	457.802.300
9/6	HĐ 3322	9/6	Hạch toán doanh thu bán hàng	131 511 333	528.950.975	480.537.250 48.053.725
...
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - CP bán hàng - Chi phí QLDN - Chi phí HĐTC	911 632 641 642 635	41.297.840.080	34.994.812.040 2.772.992.010 3.283.760.530 246.275.500
31/12	PKT27	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	165.590.976	165.590.976
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	165.590.976	165.590.976
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	662.363.904	662.363.904

...
Tổng cộng					312.471.823.891	312.471.823.891

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		42.084.462.050
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh HĐTC	515		41.332.910
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển GV hàng bán	632	34.994.812.040	
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển CP bán hàng	641	2.772.992.010	
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	3.283.760.530	
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí HHĐTC	635	246.275.500	
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	165.590.976	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển LN sau thuế	421	662.363.904	
			Cộng số phát sinh		42.125.794.960	42.125.794.960

			Số dư cuối năm			
--	--	--	-----------------------	--	--	--

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.32: Sổ cái**Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI**Năm 2017**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			187.315.620
			...			
31/12	PKT28	31/12	Lợi nhuận sau thuế.	911		662.363.904
			Cộng số phát sinh		200.000.000	662.363.904
			Số dư cuối kỳ			649.679.524

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017***Người lập biểu**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.33: Báo cáo KQHĐKD

Công ty TNHH Sơn Hải
Số 125 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.084.462.050	39.455.678.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		42.084.462.050	39.455.678.124
4. Giá vốn hàng bán	11		34.994.812.040	33.553.867.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.089.650.010	5.901.810.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		41.332.910	21.992.300
7. Chi phí tài chính	22		246.275.500	112.886.451
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		2.772.992.010	2.166.300.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.283.760.530	2.713.878.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		827.954.880	930.737.457
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		827.954.880	930.737.457
15. Chi phí thuế TNDN	51		165.590.976	186.147.491
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		165.590.976	186.147.491
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		662.363.904	744.589.966
19. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70			
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hải phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.

Qua một thời gian thực tập ở Công ty TNHH Sơn Hải với việc nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải” em xin đưa ra một số ý kiến sau:

3.1.1. Ưu điểm

▪ *Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:*

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

▪ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

- Bộ máy kế toán hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

▪ *Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:*

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính

ban hành theo TT số 200/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.

- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

▪ *Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:*

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý, giảm chi phí để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ ***Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:***

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Hiện nay, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót.

❖ ***Về hệ thống sổ sách kế toán:***

Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty đã không lập sổ chi tiết tài khoản 641, 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa thật sự hiệu quả.

❖ ***Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:***

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại, công ty TNHH Sơn Hải có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này cũng như chưa xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU
ĐẾN NGÀY 31/12/2017

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH Lonh Phát	42.140.670	42.140.670			
..
4	Công ty TNHH TMCK Trọng Minh	45.824.350		45.524.350		
...
7	Công ty cổ phần Hùng dũng	126.995.000			126.995.000	
...
15	Công ty cổ phần thương mại Minh Đoàn	13.965.000				11.965.000
...
	Tổng cộng	2.667.245.512	1.015.224.001	954.661.772	685.394.739	11.965.000

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Khi mà các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ ngày càng mở rộng và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ sản xuất ra những hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng và chất lượng mà còn phải tiêu thụ được những sản phẩm dịch vụ đó một cách nhanh nhất để thu hồi vốn sớm, tạo vòng quay của vốn nhanh nhất để kích thích bản thân các doanh nghiệp và nền kinh tế. Cùng với sự phát triển này, với sự đổi mới sâu sắc của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống Kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý Kinh tế - Tài chính đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của doanh nghiệp nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý quá trình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp doanh thu, chi phí luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty TNHH Sơn Hải đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng được coi trọng.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Đảm bảo được sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải.

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

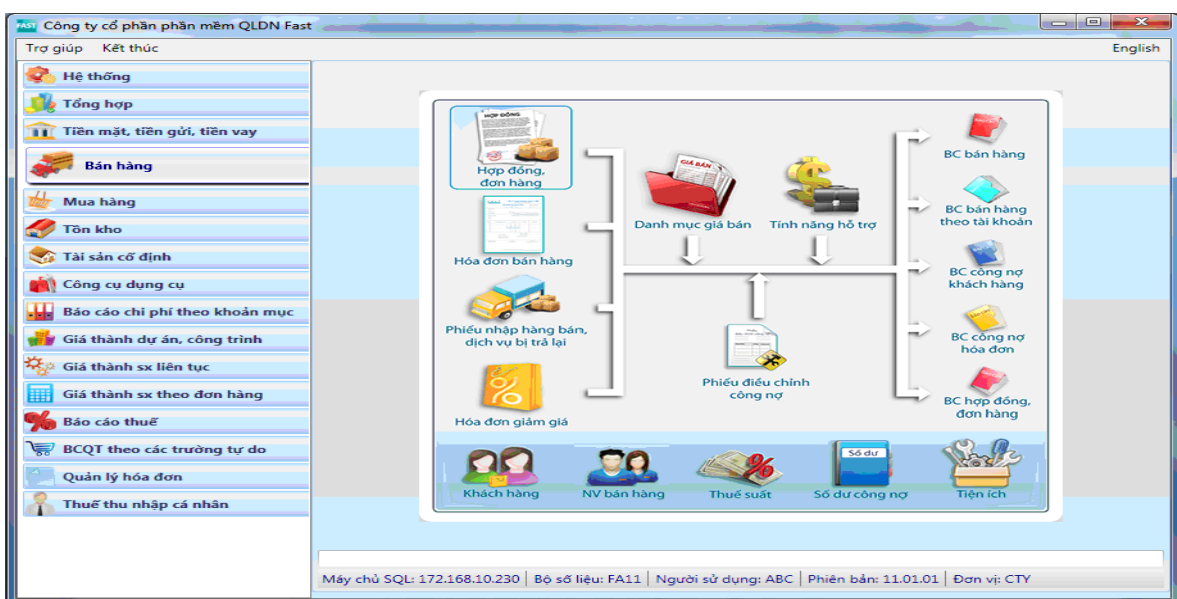
Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải:

❖ Về công tác ghi chép sổ sách:

Tại Công ty TNHH Sơn Hải công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên ứng dụng phần mềm vào chi phí quản lý ghi chép sổ sách kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán VACOM.



▪ Phần mềm kế toán FAST

Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

❖ **Về hệ thống sổ sách kế toán:**

Về theo dõi và quản lý chi phí được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản 641 và 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố:

- ✓ **Tài khoản 641** có thể mở thành các tài khoản cấp 2 như:
 - TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng (lương và các khoản trích theo lương)
 - TK 6413: Công cụ, dụng cụ
 - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài (thuê bến bãi, thuê bốc dỡ, vận chuyển, tiền hoa hồng)
 - TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm)
- ✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:
 - TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản trích theo lương)
 - TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
 - TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Địa chỉ : Số 125 Đà Nẵng –Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S18-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ - BTC

ngày 14/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 641

Năm 2017

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6411	6412	6413	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK...						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 642 tương tự TK641

❖ Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ những khoản không đòi được. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.

+ Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.
- **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.
- **Tài khoản sử dụng:** TK 229(3)- Dự phòng phải thu khó đòi.
- **Kết cấu tài khoản 229(3):**

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

✓ Trình tự hạch toán:

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 229(3): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập.

Cuối kỳ trước số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 229(3): Số tiền trích lập thêm

Còn nếu nhỏ hơn thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:

Nợ TK 229(3): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 229(3): (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

Ví dụ: Ngày 31/12/2017, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (biểu số 3.1) như sau:

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2017: 11.965.000 đồng. Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 11.965.000

Có TK 131: 11.965.000

- Đối với các công ty khác phát sinh nợ quá hạn theo quy định tính được mức cần trích lập dự phòng theo quy định là: 302.340.170 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 302.340.170

Có TK 229(3): 302.340.170

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh, với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng. Có thể nói, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao.
- + Hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành...

Bên cạnh đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng không tránh khỏi những mặt còn tồn tại đó là:

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán còn thủ công.
- + Hệ thống sổ sách kế toán chưa hoàn chỉnh
- + Chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Hải:

- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.
- Kiến nghị về việc mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và sổ chi tiết chi phí QLDN.
- Kiến nghị về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn **Th.S Nguyễn Văn Thụ** và toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Sơn Hải đã giúp em hoàn thành đề tài này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Sơn Hải (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên internet.